TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 53/2019/HNGĐ-ST Ngày: 26/9/2019 Về tranh chấp: "*Ly hôn*"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hảo Phát.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Quang Truyền;**

2. Ông **Lê Huỳnh Hải Đăng.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ngọc Lan** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Du** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 284/2019/ST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2019/QĐST- HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phan Thị A**, sinh năm 19xx; địa chỉ: Nhà số xx, ấp B, xã N, huyện H, tỉnh Tây Ninh – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 19xx; địa chỉ: Nhà số xx, ấp B, xã N, huyện H, tỉnh Tây Ninh– Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 4 năm 2019, lời trình bày trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Phan Thị A trình bày:

Chị và anh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại UBND xã N, huyện H. Hôn nhân là do tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do anh H không lo làm ăn, anh H quen người phụ nữ khác, nhiều lần đánh đập chị, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân khoảng 03 tháng nay. Hiện tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Nguyễn N T, sinh năm 19xx và Nguyễn Thị N T sinh ngày xx/x/20xx. Con chung Nguyễn N T đã trưởng thành, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị A có đơn xin xét xử vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt chị A và anh H là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chị A và anh H chung sống, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống do anh H, không lo làm ăn, không chăm sóc gia đình, vợ chồng đã ly thân 03 tháng. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được Căn cứ theo quy định tại Điều 51, 56, 81 ,82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị N T sinh ngày xx/x/20xx cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tính án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, chị Phan Thị A có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt chị A và anh H là có căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị A và anh Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại UBND xã N, huyện H. Hôn nhân là do tự nguyện là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị A cho rằng thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không lo làm ăn, anh H quen người phụ nữ khác, nhiều lần đánh đập chị, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân khoảng 03 tháng nay. Hiện tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Chị A cung cấp cho Tòa án hình ảnh anh H đánh chị gây thương tích, xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là trầm trọng, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa cho thấy anh H không có thiện chí hàn gắn nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A.

[3] Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn N T, sinh năm 19xx và Nguyễn Thị N T sinh ngày xx/x/20xx. Con chung Nguyễn N T đã trưởng thành, cháu T đang sống ổn định cùng với chị A và có nguyện vọng sống chung với mẹ, nên giao cháu T cho chị A nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Chị A phải chịu án phí theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là hợp lý nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, tuyên xử;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị A đối với anh Nguyễn Văn H. Giữa chị A và anh H không còn quyền, nghĩa vụ vợ chồng.

Về con chung: Con chung cháu Nguyễn N T, sinh năm 19xx đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Giao cháu và Nguyễn Thị N T sinh ngày xx/x/20xx cho chị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị A không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị A phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0013284 ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị A đã nộp xong tiền án phí.

Án sơ thẩm xử công khai, báo cho chị A, anh H biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hảo Phát

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh.
- VKSND tỉnh Tây Ninh
- VKSND huyện Hoà Thành.
- THADS huyện Hoà Thành.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.
- Lưu tập án.